

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Trường MN Minh Tân
năm học 2025-2026)

I. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, THỜI KHOÁ BIỂU

1. Nhà trẻ 24-36 tháng

1.1 Dự kiến các chủ đề sự kiện

S TT	Tháng (Chủ đề)	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Số tuần	Thời gian thực hiện
		Ổn định nền nếp, ôn tập	1	Từ 28/8 - 5/9
1	Bé và các bạn SK: (Ngày hội của bé) (3 tuần)	Cơ thể của bé	1	Từ 08 - 12/09
		Bé là ai?	1	Từ 15 - 19/09
		Các bạn của bé	1	Từ 22 - 26/09
2	Đồ chơi, đồ dùng quen thuộc của bé (SK: Tết trung thu) (4 tuần)	Đồ dùng của bé	1	Từ 29/9 -03/10
		Đồ chơi bé thích	1	Từ 06 - 10/10
		Đồ chơi trong lớp	1	Từ 13-17/10
		Đồ chơi ngoài trời	1	Từ 20 - 24/10
3	Các bác, các cô trong nhà trẻ (SK: Ngày hội của cô 20/11) (4 tuần)	Lớp học của bé	1	Từ 27/10-31/10
		Các bác, các cô cấp dưỡng	1	Từ 03-07/11
		Cô giáo của bé	2	Từ 10 - 21/11
4	Cây và những bông hoa đẹp (4 tuần)	Em yêu cây xanh	1	Từ 24-28/11
		Những bông hoa đẹp	1	Từ 01 - 05/12
		Quả ngon bé thích	1	Từ 08 - 12/12
		Rau trong vườn	1	Từ 15 - 19/12
5	Những con vật đáng yêu. (4 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình có 2 chân	1	Từ 22-26/12
		Con vật nuôi trong gia đình có 4 chân	1	Từ 29/12- 02/01
		Con vật sống dưới nước	1	Từ 05- 09/01
		Con vật sống trong rừng	1	Từ 12 - 16/01
6	Ngày Tết của Bé SK: Tết nguyên đán (4 tuần)	Mùa xuân, tết đã về	1	Từ 19 - 23/01
		Các loại hoa, quả trong ngày tết.	1	Từ 26 - 30/01
		Các loại bánh trong ngày tết	1	Từ 02 - 06/02
		Các hoạt động trong ngày tết	1	Từ 09 - 13/2
		Nghỉ tết		Từ 14 - 20/2
7	Mẹ và những người thân yêu của bé SK: Ngày thành lập phụ nữ VN 8/3 (3 tuần)	Mẹ của bé	1	Từ 23 - 27/02
		Những người thân yêu của bé	1	Từ 02 - 06/03
		Đồ dùng trong gia đình bé	1	Từ 09 - 13/03
8	Bé thích đi bằng phương tiện giao	PTGT đường bộ	1	Từ 16 - 20/03
		PTGT hàng không	1	Từ 23 - 27/03

	thông gì (3 tuần)	PTGT đường thủy	1	Từ 30 - 03/04
9	Mùa hè đến rồi (3 tuần)	Thời tiết mùa hè	1	Từ 06 - 10/04
		Trang phục mùa hè của bé	1	Từ 13 - 17/04
		Bé làm gì trong mùa hè	1	Từ 20 - 24/04
10	Bé lên mẫu giáo (3 tuần)	Bé lên lớp mẫu giáo 3 tuổi	1	Từ 27 - 01/05
		Đồ dùng đồ chơi của lớp mẫu giáo	1	Từ 04 - 08/05
		Những hoạt động của lớp mẫu giáo	1	Từ 11 - 15/05
		Ôn cuối năm	2	Từ 18/5 – 28/5

2.2. Dự kiến thời khoá biểu, lịch sinh hoạt trẻ nhà trẻ.

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG				
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG					
6h45 – 8h00	7h00 – 8h15	Đón trẻ, chơi, điểm danh, tắm nắng, TDS				
8h00 – 8h30	8h15 – 8h45	Hoạt động CTCCĐ				
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
		Nhận biết	Thể dục	Âm nhạc	Thơ/truyện /chữ cái	Tạo hình/TCK NXH
8h30 - 9h10	8h45 – 9h25	Chơi ngoài trời				
9h10 - 10h00	9h25 -10h15	Chơi, hoạt động ở các góc				
10h00 - 11h00	10h15 - 11h15	Vệ sinh -Ăn bữa chính				
11h00 - 13h30	11h15 - 13h45	Vệ sinh -Ngủ				
13h30 - 14h00	13h45- 14h10	Vệ sinh -Ăn phụ (uống sữa)				
14h00- 15h00	14h10- 15h00	Chơi, Chơi - tập theo ý thích chiều				
15h00 -16h00	15h00 -16h00	Ăn chính chiều, vệ sinh				
16h00 -17h00	16h00 -17h00	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ				

2.3 .Mục tiêu, nội dung hoạt động trẻ 24-36 tháng

TT	Mục tiêu	Nội dung- Hoạt động	Điều chỉnh
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Chiều cao cân nặng			
1	Trẻ có chiều cao cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Trẻ 24 tháng tuổi: + Cân nặng: Trẻ trai: 9,7 – 15,3 kg; + Trẻ gái: 9,1 – 14,8kg - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: 11,3- 18,3 kg. + Trẻ gái: 10,8-18,1 kg - Trẻ 24 tháng tuổi: + Chiều cao: Trẻ trai: 81.7 –93.9cm; + Trẻ gái: 80,0– 92,9cm. - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: 88,7-10,3 cm. + Trẻ gái: 87,4-10,2 cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi. - Cân đo: + Đối với trẻ dưới 24 tháng, cân đo 1 lần 1 tháng, trẻ từ 24-36 tháng cân, đo 3 tháng 1 lần. + Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 lần 1 tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ	
b. Phát triển vận động			
2	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân	
3	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	- Đi theo cô - Đi theo hiệu lệnh, đi đều - Đi bước vào các ô - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay - Đi trên ván dốc có mang vật trên tay - Chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm - Đi bước qua gậy kẻ cao - Đứng co 1 chân	

4	Trẻ phối hợp vận động tay- mắt khi thực hiện vận động: - Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; (CS3); - Ném vào đích xa 1-1.2m (CS4)	- Tung bóng lên cao bằng hai tay - Ném bóng về phía trước - Tung – bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1m - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném vào đích ngang xa 1m-1,2m - Ném bóng qua dây - Tung bóng qua dây	
5	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném xa lên phía trước bằng 1 tay < tối thiểu 1,5m> - Đá bóng	
6	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật đặt trên lưng.	- Trườn về phía trước - Trườn qua vật cản - Bò theo cô - Bò theo hướng thẳng - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản - Bò trong đường hẹp - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò có mang vật trên tay - Bò, trườn qua vật cản	
7	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động nhún, bật	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa - Bật tiến về trước - Bật vào các ô	
8	Trẻ vận động cổ tay; bàn tay; ngón tay	- Múa khéo - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau	
9	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: lồng hộp, xếp chồng 4-5; 6-8 hình khối; tháp Nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Lồng, tháo 4-5 hộp - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 4-5 khối; 4-5 tháp - Chồng xếp, 4-5 khối; 6-8 tháp - Tô màu; vẽ tổ chim, cuộn len - Đóng; rót; nhào; khuấy; đảo; vò; xé. - Nặn - Lật mở trang sách. - Xem tranh	

c. Dinh dưỡng và sức khỏe.			
10	Trẻ thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.	
11	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	
12	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	
13	Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu ăn, uống, vệ sinh bằng cử chỉ/ lời nói (CS5- 24T) Trẻ làm được một số việc tự phục vụ đơn giản và sự tự lập: Tự xúc ăn, cài cúc áo, tự uống nước... (CS5- 36T)	- Cử chỉ/ lời nói : + Chỉ vào cốc, bát muốn ăn hoặc uống + Giơ tay xin ăn, uống - Tập tự phục vụ, tự lập: + Tự xúc ăn, cài cúc áo, tự uống nước... + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ.	
14	Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Đội mũ khi ra nắng; đi dép; mặc quần áo khi trời lạnh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay; rửa mặt.	
15	Trẻ có khả năng biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm như: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng khi được nhắc nhở.	- Nhận biết, tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm không được phép sờ vào và đến gần	
16	Trẻ có khả năng biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết, tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
2. Phát triển nhận thức			
17	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm thông qua các giác quan để nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng. Có sự nhạy cảm của các giác quan trong nhận biết sự thay đổi về màu sắc, hình dạng, kích thước, chất liệu, nhiệt độ, khối lượng, trọng lượng, cao độ âm thanh và mùi vị.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe âm thanh của đồ dùng, đồ chơi. - Sờ, nắn, nhìn, ngửi, đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ, nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, xù xì,, hình dạng, kích thước, chất liệu trọng lượng. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (vị ngọt. mặn, chua) - Cảm nhận nhiệt độ của thời tiết, nước, thức ăn...	
18	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động của: Cô giáo; cô cấp dưỡng; bé em;	

	Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	Bác sỹ; cô, bác bán hàng; bác tài xế... - Nhận biết tên; đặc điểm nổi bật công dụng và cách sử dụng đồ dùng; đồ chơi quen thuộc.	
19	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên của cô giáo; các bạn, nhóm/ lớp - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	
20	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. (CS6)	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	
21	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, PTGT quen thuộc. (CS6)	- Tên; đặc điểm nổi bật của con vật; rau; hoa quả quen thuộc, mùa hè. - Tên; đặc điểm nổi bật của phương tiện giao thông gần gũi.	
22	Trẻ có khả năng nhận biết phân biệt được số lượng (Một- nhiều)	- Nhận biết số lượng một- nhiều. - Phân biệt số lượng một- nhiều.	
23	Trẻ có khả năng nhận biết, phân biệt được hình tròn, hình vuông.	- Nói tên hình tròn, hình vuông. - Phân biệt hình tròn, hình vuông.	
24	Trẻ có khả năng nhận biết, phân biệt được vị trí trong không gian: Trên-dưới, trước- sau so với bản thân trẻ.	- Nhận biết: Trên- dưới, trước- sau so với bản thân trẻ. - Phân biệt trên- dưới, trước- sau so với bản thân trẻ.	
25	Chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng được đồ chơi màu xanh/đỏ/ vàng theo yêu cầu. (CS7- 36T)	- Nhận biết, phân biệt màu đỏ/ xanh; màu vàng/ xanh - Nhận biết, phân biệt màu xanh/ đỏ/ vàng	
26	Trẻ có khả năng chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng được đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu (CS8- 36T)	- Gọi tên đồ chơi. - Nhận biết, phân biệt kích thước to, nhỏ.	
3. Phát triển ngôn ngữ			
27	Trẻ làm theo được 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn: Lấy cốc uống nước, đi đến đây, lau miệng. (CS8-24T) Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm hai, ba hành động: Lấy, cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. (36T)	- Nghe và thực hiện yêu cầu đơn giản như lấy cốc uống nước; lau miệng. - Nghe và thực hiện yêu cầu có 2-3 hành động liên tiếp như cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	
28	Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì ?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?....”, (CS10-36T)	- Nghe các câu hỏi. Trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì? con gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...	
29	-Trẻ hiểu nội dung bài thơ, bài hát, ...câu truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên bài thơ, tên	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều	

	truyện, tên và hành động của các nhân vật.	lần, có sự gợi ý. - Lắng nghe người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Kể truyện theo tranh; kể lại truyện được nghe.	
30	- Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau	
31	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. - Trẻ đọc được bài thơ ngắn, (CS11-36T)	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao cùng cô.	
32	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trẻ sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	
33	- Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau(chào hỏi, ăn uống, vấn đề quan tâm... - Trẻ diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. (CS9-36T) .	- Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp trong các tình huống quen thuộc (như chào hỏi, xin – mời, cảm ơn, khi ăn uống, khi cần giúp đỡ). - Trẻ diễn đạt được yêu cầu, mong muốn của bản thân bằng lời nói đơn giản (như “Con muốn uống nước”, “Con đi vệ sinh”, “Con lấy đồ chơi”).	
34	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

***Phát triển tình cảm-kỹ năng xã hội**

35	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	
36	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình? - Thể hiện niềm vui, sự thích thú của bé khi được đón các ngày lễ, hội quan trọng trong năm.	
37	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh	
38	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.	
39	Trẻ biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.	
40	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các con vật nuôi trong gia đình.	
41	Trẻ biết chào, tạm biệt cảm ơn, ả,	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và	

	vâng ạ (CS12)	giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	
42	Trẻ bắt chước một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) (CS13-36T)	- Bắt chước một số hành vi chăm sóc; sinh hoạt hàng ngày; giao tiếp tương tác trẻ với trẻ khi chơi. - Tập sử dụng đồ dùng; đồ chơi.	
43	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	-Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	
44	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn. - <i>Trẻ bước đầu tự lập trong: ăn, uống, vệ sinh, mặc/cởi quần áo, chào- nói chuyện với người khác...</i>	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	
*Phát triển cảm xúc thẩm mỹ			
45	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc. <i>Bước đầu có kỹ năng thể hiện bản thân qua âm nhạc.</i> - Trẻ hát được bài hát ngắn (CS11)	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc.	
46	Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). <i>Bước đầu có kỹ năng thể hiện bản thân qua vận động tạo hình.</i>	- Làm quen với sách, bút; làm quen với đất nặn; vẽ. - Tập cầm bút tô màu/Tập cầm bút vẽ các đường nét khác nhau - Vò giấy/ Xé giấy - Xếp hình - Thực hiện thao tác Dán; chấm hồ - Xem tranh/ sách tranh về các tác phẩm tạo hình.	

3. Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi

3.1 Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non (SK: Ngày hội của bé)(2 tuần)	Ổn định nền nếp, ôn tập	1	28/8-5/9/2025
		Trường mầm non của bé	1	Từ 08 - 12/ 9
		Lớp 3 tuổi của bé	1	Từ 15 - 19/ 9
2	Bản thân SK: Tết trung thu (04 tuần)	Bé là ai	1	Từ 22 - 26/ 9
		Tết trung thu	1	Từ 29/9 - 03/10
		Cơ thể của bé	1	Từ 06 - 10/ 10
		Nhu cầu của bé	1	Từ 13 - 17/ 10
3	Gia đình (4 tuần)	Những người thân trong GD	2	Từ 20-31/10
		Ngôi nhà của bé	1	Từ 03- 07/11
		Nhu cầu gia đình bé	1	Từ 10 – 14/11
4	Nghề nghiệp SK: Ngày 20/11, Ngày 22/12 (4 tuần)	Nghề nghiệp của cha mẹ bé	1	Từ 17 - 21/11
		Bé tập làm cô giáo	1	Từ 24- 28/11
		Bé tập làm bác nông dân	1	Từ 01 /12- 05
		Bé tập làm chú bộ đội	1	Từ 08 - 12/12
5	Động vật (4 tuần)	Động vật nuôi trong gia đình	2	Từ 15 -26 /12
		Động vật sống dưới nước	1	Từ 29/12-02/1/2026
		Động vật sống trong rừng	1	Từ 05 - 09/01
6	Thực vật (4 tuần)	Cây xanh của bé	1	Từ 12 - 16 /01
		Một số loại hoa	1	Từ 19 - 23 / 01
		Một số loại quả	1	Từ 26 - 30 / 01
		Một số loại rau	1	Từ 02 – 06/02
7	Tết và mùa xuân SK Ngày 8/3) (3 tuần)	Ngày tết vui vẻ	1	Từ 09 - 13/02
		Nghỉ tết		Từ 16/2 - 20 /02
		Mùa xuân của bé	2	Từ 23 - 06 /03
8	Giao thông (4 tuần)	PTGT đường bộ	1	Từ 09 - 13/03
		PTGT đường thủy	1	Từ 16 - 20 /03
		PTGT đường không	1	Từ 23 - 27 /3
		Một số biển báo giao thông	1	Từ 30/3 - 03 /4
9	NHTTN (3 tuần)	Sự kỳ diệu của nước	1	Từ 06 - 10/4
		Hiện tượng tự nhiên	1	Từ 13 - 17/4
		Mùa hè tuyệt vời	1	Từ 20 -24/4
10	Quê hương đất nước, Bác Hồ SK:(Ngày 30/4) (3 tuần)	Đất nước Việt Nam	1	Từ 27/4- 01/5
		Quê hương yêu dấu	1	Từ 04 - 08/5
		Bác Hồ kính yêu	1	Từ 11 - 15/5
		Ôn cuối năm	2	Từ 18/5 – 28/5

3.2. Chế độ sinh hoạt, thời khóa biểu

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG				
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG					
6h45 – 8h00	7h00 – 8h15	Đón trẻ, chơi, điểm danh, thể dục sáng				
8h00 – 8h35	8h15 – 8h50	Hoạt động học				
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
		LQVT/ Khám phá	Thể dục	Tạo hình	TCKNXH/ Âm nhạc	Thơ/ truyện/ LQCC
8h35 - 9h10	8h50 – 9h25	Chơi ngoài trời				
9h10 - 10h00	9h25 -10h15	Chơi, hoạt động ở các góc				
10h00 - 11h00	10h15-11h15	Vệ sinh, Ăn bữa chính				
11h00 - 13h30	11h15-13h45	Ngủ				
13h30 - 14h00	13h45- 14h10	Ăn phụ				
14h00- 15h00	14h10- 15h10	Chơi, hoạt động theo ý thích chiều				
15h00 -16h00	15h00 -16h00	Ăn phụ (uống sữa/ ăn quả), vệ sinh				
16h00 -17h00	16h00 -17h00	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ				

3.3. Mục tiêu, nội dung -hoạt động

TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	Điều chỉnh
1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất			
a. Chiều cao cân nặng			
1	Trẻ có cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. (CS1)	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi. - Cân đo 3 tháng/lần. Đối với trẻ SDD, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.	
b. Phát triển vận động			
2	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Các động tác hô hấp hít vào, thở ra: - Thổi nơ, Gà gáy, Ngủ hoa, Máy bay, Thổi bóng bay Tay - vai : 1: Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang ngang.* 2: Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao. 3: Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.* 4: Hai tay đánh chéo nhau về trước và ra sau* 5: Từng tay đưa lên cao, hai tay giang	

		ngang. Lưng, bụng, lườn: 1. Đứng cúi xuống 2 chân thẳng hai tay chạm mũi bàn chân* 2. Đứng nghiêng người sang 2 bên*. 3. Đứng quay sang phải sang trái, sang phải*. 4. Đứng cúi người về trước, ngả người ra sau. 5. Đứng nghiêng người sang 2 bên, kết hợp đưa tay cao hoặc đặt sau gáy. Chân: 1. Ngồi xổm (thấp), đứng lên* 2. Ngồi co duỗi chân* 3. Đứng khụy gối (Hai tay chống hông khụy gối) 4. Bước chân lên phía trước, ra sau, sang ngang.* 5. Đứng nâng cao, gập gối (Bật, nhảy) 1. Bật tại chỗ* 2. Bật lên phía trước, bật về chỗ cũ. 3. Bật lùi lại, bật về chỗ cũ. 4. Bật sang bên trái, bật về chỗ cũ 5. Bật sang bên phải, bật về chỗ cũ	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. (CS2)	- Đi trong đường hẹp* - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi kiễng gót.*	
4	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi theo đường đích dắc - Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc.* - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.* - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.* - Chạy liên tục trong đường đích dắc	
5	Trẻ phối hợp tay - mắt trong thực hiện vận động: - Tung bắt bóng với cô khoảng cách 2,5m (bắt được 3 lần không rời bóng) (khoảng cách 2,5 m) (CS3). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18m).	- Lăn bắt bóng với cô.* - Tung bóng cho cô - Tung bóng lên cao bằng 2 tay - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay - Đập và bắt bóng với cô	

6	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng (CS4) . - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng - Chạy nhanh 10 -12m. - Ném trúng đích nằm ngang (rổ/chậu) bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay	
7	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò trong đường hẹp (3-4m) không chệch ra ngoài.	- Bò theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp - Bò chui qua cổng - Bò theo đường đích đặt - Trườn theo hướng thẳng - Trườn dưới dây - Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm)	
8	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bật, nhảy...	- Bật tại chỗ. - Bật tiến về phía trước. - Bật xa 20 - 25cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 25 -30 cm	
9	Trẻ thực hiện được các vận động, của bàn tay, ngón tay: - Xoay tròn cổ tay; - Gập đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau. - Quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau.	
10	Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ hình tròn theo mẫu; Cắt thẳng 10cm (CS5) ; Xếp chồng 10-12 khối (CS6) ; Tự cài cởi cúc. + Trẻ bước đầu có kỹ năng trong các hoạt động cần sự linh hoạt, khéo léo của đôi tay (STEAM)	- Xé, dán giấy. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

11	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau, quả, rau...) (CS7)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc (Thịt, cá, trứng, sữa, rau).	
12	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau... ở trường, gia đình	- Nhận biết tên một số món ăn quen thuộc.	
13	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống	

		với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	
14	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (CS8) : - Rửa tay, lau mặt, súc miệng; - Tháo tất, cởi quần.	- Làm quen cách đánh răng, súc miệng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần áo. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	
15	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. (CS9)	- Tự cầm bát thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước đúng cách.	
16	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở : uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô ăn, mời bạn ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ; uống nước đã đun sôi, không uống nước lã...	
17	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi giày, dép khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. (CS10) - Nhận biết trang phục theo thời tiết. <i>Trẻ chấp nhận, rửa tay, đeo khẩu trang để phòng chống dịch bệnh khi cần thiết</i>	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Cách phòng tránh các bệnh - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết một số biểu hiện cần giúp đỡ.	
18	Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở: Bàn là, phích nước nóng...	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, kim khâu...)	
19	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở: ao, hồ, giếng, bể chứa nước...	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, nơi không an toàn (không chơi gần những nơi nguy hiểm: Ao, hồ, sông, bếp than, khu vực đang xây dựng...) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp	
20	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống/ khi ăn các loại quả có hạt. - Không tự lấy thuốc uống. - Không trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (cưỡi đùa khi ăn uống, trèo bàn ghế, lan can...)	

2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
21	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, hay đặt câu hỏi về đối tượng. (Vì sao cây bị héo? Vì sao lá cây bị úớt?) Trẻ có khả năng đặt câu hỏi, yêu thích khám phá, tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung quanh (STEAM)	- Chăm chú quan sát các sự vật, hiện tượng gần gũi quanh trẻ. - Hay đặt câu hỏi về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
22	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. (CS16) Trẻ có những hiểu biết cơ bản về con người, sự vật hiện tượng xung quanh (STEAM)	- Nói tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi của trường, lớp và đồ dùng trong gia đình. - Nói tên, chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác trên cơ thể. - Nói tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Nói tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật; cây, hoa, quả, rau. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát.	
23	- Trẻ làm được thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Trẻ có kỹ năng thực hiện các thí nghiệm (STEAM)	- Làm một số thí nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ (VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi)	
24	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Trẻ có khả năng quan sát, chú ý, so sánh, phân loại, phán đoán, tổng hợp, nhận xét, đánh giá, ghi nhớ có chủ ý (STEAM)	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với trẻ về đối tượng.	
25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. (CS11) (đồ vật, cây, hoa, quả,	- Phân loại đồ vật, cây, hoa, quả, con vật, phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật.	

	con vật, phương tiện giao thông)		
26	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	
27	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. (CS17) <i>Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, lời nói, hình ảnh) STEAM</i>	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	
28	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề; vẽ, hát...về các đối tượng trẻ đã được quan sát.	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.			
29	Trẻ quan tâm đến số, số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - <i>Trẻ có một số hiểu biết cơ bản về một số khái niệm toán sơ đẳng (STEAM)</i> - <i>Trẻ có thể giải một số bài toán đồ đơn giản, phù hợp với độ tuổi</i>	- Hay dùng các câu hỏi: Có mấy? Đây là mấy? - Dùng các ngón tay để biểu thị số lượng	
30	Trẻ đếm được trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. (CS12)	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.	
31	Trẻ so sánh được số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. (C13)	- 1 và nhiều - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi - So sánh được số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
32	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng cùng loại và đếm.	
33	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
34	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.	
35	Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn;	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: to hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau	

	cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.(CS15)		
36	Trẻ nhận dạng và gọi tên được các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. (CS14)	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép.	
37	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	

c. Khám phá xã hội

38	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	
39	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	
40	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình.	
41	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
42	Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của một số nghề khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	
43	Trẻ kể được tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm học (Ngày khai giảng, Tết trung thu, Ngày 20/11...)	
44	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở quê hương Minh Tân (<i>Khu sinh thái Núi Ngăm, cảnh đồng lúa, đình chùa, trường học, lễ hội làng...</i>), đất nước (<i>Thủ đô Hà Nội, lăng Bác...</i>). - Nhận biết cờ tổ quốc, biết tên đất nước Việt nam.	- Cờ tổ quốc, tên quốc gia: Việt nam. - Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: Đình, chùa, cảnh đồng, núi...) - Tên của lễ hội của địa phương - Nhận biết cờ tổ quốc, biết tên đất nước Việt nam.	

3. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ.

a. Nghe và hiểu lời nói.

45	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	
46	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	

47	Trẻ lắng nghe hiểu và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. (CS19) <i>Trẻ có khả năng nghe và tóm tắt hoặc trình bày lại đoạn thông tin khoa học ngắn (STEAM)</i> <i>Trẻ có khả năng đưa ra nhận xét về ý kiến một vấn đề(STEAM)</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, tục ngữ phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện, miêu tả được các sự việc với một số thông tin về hành động tính cách, trạng tháicủa nhân vật trong chuyện - Trả lời và đặt được các câu hỏi: Ai, cái gì, Ở đâu, Để làm gì?...	
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:			
48	Trẻ nói rõ các tiếng, phát âm rõ ràng để người khác hiểu được (CS18) <i>Bước đầu biết diễn đạt rõ ràng các câu hỏi/câu trả lời liên quan đến khoa học, kỹ thuật bằng ngôn ngữ đơn giản, hoặc bằng các cách khác nhau.(STEAM)</i>	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	
49	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	
50	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	
51	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân. Như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	
52	- Trẻ nghe hiểu nội dung, đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và trả lời được các câu hỏi của người đối thoại.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi	
53	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. (CS20)	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	
54	Trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên: Chú vịt sấm, thỏ con ăn gì ...	
55	Trẻ biết sử dụng các từ: “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
56	Nói đủ nghe, không nói lí nhí	- Nói và thể hiện, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	

c. Làm quen với việc đọc, viết			
57	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, biết tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.	
58	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh. (CS21)	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	
59	Trẻ nhận dạng được một số nhóm chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt theo khả năng.	Trẻ nhận biết và làm quen với 29 chữ cái Tiếng Việt	
60	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc. - Trẻ thích tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	
4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội			
a. Phát triển tình cảm xã hội			
61	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố mẹ. (CS22)	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố mẹ	
62	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	
63	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Chủ động, hăng hái trong các hoạt động - Mạnh dạn, tự tin khi trả lời câu hỏi.	
64	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.	- Thực hiện các công việc đơn giản được giao	
65	Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	
66	Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ giọng nói qua bài hát, trò chơi vận động.	
67	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	
68	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Thích nghe kể chuyện, nghe đọc thơ, hát về Bác Hồ	
b. Phát triển kỹ năng xã hội			
69	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình : Sau khi chơi cất xếp đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố,	- Một số quy định ở lớp và gia đình: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, vâng lời, yêu mến bố mẹ, anh chị, em ruột....	

	me.) (CS25) <i>Trẻ thực hiện một số nguyên tắc an toàn, quy định trong khi thực hành (tiến hành thí nghiệm, chế tạo sản phẩm) STEAM</i>	- Chờ đến lượt.	
70	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...(CS23)	Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	
71	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Lắng nghe ý kiến của người khác.	
72	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. Nhận biết hành vi “Đúng”- “Sai”; “tốt” - “xấu”. (CS24)	- Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “Đúng”- “Sai”; “tốt” - “xấu”.	
73	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối, môi trường xung quanh.	
74	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. (CS26) Tiết kiệm điện, nước. <i>Trẻ yêu thích hào hứng tham gia hoạt động Steam, có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường (STEAM)</i>	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. Tiết kiệm điện Tiết kiệm nước	
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ			
75	Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. <i>Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm, chế tạo. (STEAM)</i>	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi.	
76	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. <i>Các bản nhạc tiếng Việt, hay bản nhạc tiếng nước ngoài....</i>	- Nghe các bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân <u>ca ở địa phương, dân ca các vùng miền</u> , nhạc tiếng anh...):	
77	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật về dinh dáng, màu	

	tác phẩm tạo hình.	sắc.	
78	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. (CS27)	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài - Nghe, hiểu nội dung bài hát	
79	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). (CS28) <i>Trẻ trải nghiệm nhiều phương tiện nghệ thuật và thể hiện bản thân thông qua phương tiện nghệ thuật đó.</i>	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng <u>đa dạng</u> dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp...	
80	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. (CS31) <i>Trẻ có khả năng thể hiện sự sáng tạo các nguyên vật liệu trong các hoạt động tạo ra sản phẩm (STEAM)</i>	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	
81	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, xoay tròn tạo thành bức tranh đơn giản và <i>sáng tạo theo cách riêng của trẻ</i> (CS29)	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản <i>ảnh và sáng tạo theo cách riêng của trẻ.</i>	
82	Trẻ biết cắt theo đường thẳng, xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản và <i>sáng tạo theo cách riêng của trẻ.</i> (CS30)	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
83	Trẻ biết lăn dọc, lăn tròn, ấn bẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
84	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. <i>- Sáng tạo theo cách riêng</i>	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	
85	<i>Trẻ bước đầu phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản và sáng tạo trong các hoạt động tạo ra sản phẩm (STEAM)</i>	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
86	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	-Nhận xét sản phẩm tạo hình.	
87	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	-Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	
88	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	
89	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

4. Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi

4.1 Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
		Ổn định nền nếp, ôn tập	1	28/8 - 5/9/2025
1	Trường mầm non (SK: Ngày hội của bé) (2 tuần)	Trường mầm non của bé <i>(ATGT khi tới trường)</i>	1	Từ 08 - 12/ 9
		Lớp 4 tuổi thân yêu	1	Từ 15 - 19/ 9
2	Bản thân SK: Tết trung thu (4 tuần)	Tôi là ai	1	Từ 22 - 26/ 9
		Cơ thể của bé	1	Từ 29/9 - 3/10
		<i>Tết trung thu</i>	1	Từ 06 - 10/ 10
		Nhu cầu của bé	1	Từ 13 - 17/ 10
3	Gia đình (4 tuần)	Những người thân trong gia đình bé	1	Từ 20-24/10
		Ngôi nhà của bé	1	Từ 27- 31/10
		Nhu cầu gia đình	2	Từ 03- 14/11
4	Nghề nghiệp Sk: Ngày 20/11 Ngày 22/1) (4 tuần)	Nghề nghiệp của cha mẹ bé	1	Từ 17 - 21/11
		Bé tập làm cô giáo	1	Từ 24- 28/12
		Bé làm bác nông dân	1	Từ 01 - 05/12
		Bé tập làm chú bộ đội	1	Từ 08 - 12/12
5	Động vật (4 tuần)	Động vật nuôi trong gia đình	1	Từ 15 – 19 /12
		Động vật sống trong rừng	1	Từ 22/12-26/12
		Động vật sống dưới nước	1	29/12-2/1/2026
		Côn trùng và chim	1	Từ 05 - 09/01
6	Thực vật (4 tuần)	Bé yêu cây xanh	1	Từ 12 - 16 /01
		Một số loại hoa	1	Từ 19 - 23 / 01
		Một số loại quả	1	Từ 26 - 30 / 01
		Một số loại rau	1	Từ 02 – 06/02
7	Tết và mùa xuân SK: Tết nguyên đán Ngày 8/3(3 tuần)	Tết nguyên đán	1	Từ 09 - 13/02
		<i>Nghỉ tết</i>		Từ 16/2 -20/02
		Mùa xuân	2	Từ 23 – 06/3
8	Giao thông (4 tuần)	PTGT đường bộ	1	Từ 09 - 13/03
		PTGT đường thủy	1	Từ 16-20/3
		PTGT đường hàng không	1	Từ 23-27/3
		Một số biển báo GT quen thuộc	1	Từ 30-03/4
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Sự diệu kì của nước	1	Từ 06/4- 10/4
		Một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ 13 - 17/4
		Bốn mùa bé yêu	1	Từ 20 -24/4
10	Quê hương- đất nước- Bác Hồ SK: Ngày 30/4 (3 tuần)	Đất nước Việt nam diệu kì	1	Từ 27/4- 01/5
		Quê hương yêu dấu	1	Từ 04 - 08/5
		Bác Hồ kính yêu	1	Từ 11 - 15/5
		Ôn cuối năm	2	Từ 18/5 – 28/5

4.2. Chế độ sinh hoạt, thời khóa biểu

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG				
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG					
6h45 – 8h00	7h00 – 7h15	Đón trẻ, chơi, điểm danh				
8h00 – 8h35	8h15 – 8h50	Hoạt động HỌC				
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
		Thể dục	LQVT/K hám phá	Tạo hình	TCKNXH/ Âm nhạc	Thơ/ truyện/ LQCC
8h35 - 9h10	8h50 – 9h25	Chơi ngoài trời				
9h10 - 10h00	9h25 - 10h15	Chơi, hoạt động ở các góc				
10h00 - 11h00	10h15-11h15	Vệ sinh, Ăn bữa chính				
11h00 - 13h30	11h15-13h45	Ngủ				
13h30 - 14h00	13h45- 14h10	Ăn phụ (cháo/bún)				
14h00- 15h00	14h10- 15h10	Chơi, hoạt động theo ý thích chiều				
15h00 -16h00	15h00 -16h00	Ăn phụ (uống sữa/ ăn quả), vệ sinh				
16h00 -17h00	16h00 -17h00	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ				

4.3. Mục tiêu, nội dung-hoạt động

STT	Mục tiêu GD	Nội dung GD	Điều chỉnh
1. Phát triển thể chất			
a. Chiều cao cân nặng			
MT 1	Trẻ có cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. (CS1)	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi. - Cân đo 3 tháng/1 lần (Tháng 9, 12, 3) .Đối với trẻ SDD, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.	
b. Phát triển vận động			
2	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: 1. Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên* 2. Đưa 2 tay ra phía trước, sau, trên	

		đầu(vỗ vào nhau).* 3. Đưa 2 tay ra phía trước, gập khuỷu tay 4. Đưa tay ra phía trước về phía sau. 5. Đánh xoay tròn 2 vai. - Lưng, bụng, lườn 1. Nghiêng người sang trái, sang phải. 2. Quay sang trái, sang phải. 3. Đứng cúi về phía trước 4. Ngồi cúi về phía trước, ngửa người ra sau. 5. Ngồi quay người sang bên. - Chân: 1. Đứng 1 chân, đưa lên trước, khụy gối. 2. Đứng một chân, nâng cao gập gối*. 3. Đứng nhún chân, khụy gối 4. Ngồi nâng 2 chân duỗi thẳng - Bật 1. Bật tiến về phía trước 2. Bật lùi về phía sau 3. Bật sang bên phải 4. Bật sang bên trái. 5. Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.*	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi: - Đi thăng bằng trên ghế thể dục (CS2) - Bước lùi liên tiếp khoảng 3m	- Đi kiễng gót, đi bằng gót chân.* - Đi khụy gối.* - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.* - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.* - Đi trên ghế thể dục.*	
4	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi /chạy khi thay đổi hướng vận động (Đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn (4- 5 vật chuẩn đặt đích dắc). - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.	
5	Trẻ phối hợp được tay mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện khoảng cách 3 m (CS3), đập, ném, bắt...	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ . - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.	
6	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: ném trúng đích ngang xa 2m (CS4), Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây (CS5).	- Chạy chậm 60- 80 m. - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây. - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m)	

7	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò, trườn trèo.	- Bò bằng bàn tay bàn chân giữa 2 đường kẻ. - Bò trong đường dích dắc (4-5 điểm) - Bò chui qua cổng - Bò chui qua ống dài 1,2 m x 0,6 m - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài, - Trèo lên xuống thang.	
8	Thể hiện được nhanh, mạnh, khéo khi trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bật, nhảy.	- Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35-40 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống - Bật chụm tách chân qua 5 ô - Bật qua vật cản 10-15cm. - Nhảy lò cò	
9	Trẻ biết thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay trong thực hiện được vận động:	- Vo xoáy, xoắn vặn, búng ngón tay, vê néo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nổi...	
10	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Cắt được theo đường thẳng (CS6) - Xếp chồng 10-12 khối không đồ (CS7) - Tự cài, cởi cúc, buộc dây (CS8) - <i>Trẻ có kỹ năng trong các hoạt động cần sự linh hoạt, khéo léo của đôi tay (STEAM)</i>	- Gập giấy - Lắp ghép hình - Xây dựng, lắp ráp xếp chồng 10-12 khối. - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Cài cởi cúc, khâu, buộc dây - Tắt sợi đôi	
b. Dinh dưỡng và sức khỏe			
11	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	Nhận biết 1 số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm	
12	Trẻ nói tên một số món ăn hằng ngày, dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn ở trường, gia đình (CS9)	Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: Rau có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo...	
13	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	
14	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở	- Rèn luyện các thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đánh răng, lau mặt đúng cách. - Thay quần áo khi bị ướt, bẩn. <i>Chuẩn bị giờ ăn, ngủ cùng cô giáo...; mặc/ cởi quần áo, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</i>	

15	Tự cầm bát thìa cốc xúc ăn gọn gàng không làm rơi vãi thức ăn (CS10)	Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
16	Trẻ có thói quen tốt trong ăn uống: Không ăn thức ăn ôi thiu, không uống nước lã (CS11)	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe : Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ; Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; Không uống nước lã.	
17	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở + Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng (CS12) + Gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp bị đau, chảy máu (CS13) <i>Trẻ chấp nhận rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang... để phòng chống dịch bệnh khi cần thiết</i>	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. <i>- Trẻ rửa tay sát khuẩn, đeo khẩu trang... để phòng chống dịch bệnh covid và một số bệnh khác</i>	
18	Nhận ra và tránh được một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. (CS14)	- Nhận ra và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: : bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật nhọn sắc, dao, kéo...	
19	Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm: (CS14)	- Nhận ra những nơi nguy hiểm không an toàn như: Ao hồ, ruộng nước, suối, bể chứa nước, giếng, cống...	
20	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (cười đùa khi ăn uống, trèo bàn ghế, lan can...)	
21	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ: Gọi người lớn giúp đỡ khi bị đau, chảy máu, ngã, thấy cháy, khi bị lạc. - Nói tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết, gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc + Biết số điện thoại khẩn cấp (113,114,115)	
2. Phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
22	-Trẻ tìm hiểu nguyên nhân xảy ra của các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh (CS15) . <i>-Trẻ có khả năng đặt câu hỏi, yêu thích khám phá, tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung</i>	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “vì sao cây lại héo?”; “vì sao lá cây bị ướt?”...	

	quanh (STEAM)		
23	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. (CS20) <i>Trẻ có những hiểu biết cơ bản về con người, sự vật hiện tượng xung quanh (STEAM)</i>	- Đồ dùng đồ chơi của trường, lớp và đồ dùng gia đình ; một số con vật; cây, hoa, quả; một số phương tiện giao thông; - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Các nguồn nước + Đặc điểm, tính chất của nước + ích lợi của nước + Nguyên nhân gây ô nhiễm và cách bảo vệ nguồn nước Đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó.	
24	- Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. - <i>Trẻ có kỹ năng thực hiện các thí nghiệm, kỹ năng chế tạo sản phẩm kỹ thuật đơn giản (STEAM)</i>	- Làm một số thí nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ.	
25	Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với trẻ về đối tượng.	
26	Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 - 2 dấu hiệu. (CS17) <i>Loại được 1 đối tượng không cùng nhóm</i>	- Phân loại đồ dùng đồ chơi lớp đồ dùng gia đình theo tên gọi, công dụng, đặc điểm - Phân loại một số con vật cây, hoa, quả theo: đặc điểm, môi trường ... - Phân loại các phương tiện giao thông theo: tên gọi, nơi hoạt động....	
27	Trẻ nhận xét được mối quan hệ của một số sự vật, hiện tượng gần gũi đơn giản.	- Nhận xét một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng gia đình quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản của một số con vật sống dưới nước với môi trường sống của chúng. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống và cách chăm sóc, bảo vệ.	

28	Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	
29	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. <i>Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, lời nói, hình ảnh) STEAM</i>	- So sánh sự khác và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật thuộc nhóm con vật nuôi trong gia đình, con vật sống trong rừng, côn trùng và chim, một số con vật sống dưới nước. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số cây, hoa, quả - So sánh sự khác nhau và giống nhau của phương tiện giao thông. - Nhận xét sự khác nhau giữa ngày và đêm.	
30	Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về một số đối tượng qua các HĐ: chơi, âm nhạc, tạo hình...	Thể hiện sự hiểu biết của mình về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	
b.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
31	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng ở xung quanh. <i>Trẻ có thể giải một số bài toán đồ đơn giản, phù hợp với độ tuổi</i>	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi bao nhiêu, là số mấy.	
32	Trẻ đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10: Trẻ có thể đếm và nhận biết các nhóm trong phạm vi 10 qua bài học hoặc trong các HĐ trong ngày. (CS18)	- Đếm, nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5. - Đếm trên đối tượng giống nhau trong phạm vi 10 và theo khả năng..	
33	Trẻ biết cách so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả so sánh.	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi - So sánh số lượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	
34	Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 đếm, nói được kết quả.	Gộp 2 nhóm cùng đối tượng để có số lượng 3, 4, 5 và đếm	
35	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng 3, 4, 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn.	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng 3, 4, 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn	
36	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. (CS19)	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	
37	Trẻ nhận biết được ý nghĩa của các con số được sử dụng	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số	

	trong cuộc sống hàng ngày.	nhà, biển số xe, số điện thoại...)	
38	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp ít nhất của 3 đối tượng và sao chép lại.	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc của 3 đối tượng. So sánh 3 đối tượng về kích thước: Lớn nhất-nhỏ hơn-nhỏ nhất; Dài nhất-ngắn hơn-ngắn nhất; Rộng hơn-hẹp hơn; Cao nhất- thấp hơn- thấp nhất.	
39	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo - Đo dung tích của 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, nói kết quả đo và so sánh	
40	Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa các hình.	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: tròn - tam giác. vuông - chữ nhật. Chắp ghép các hình hình học để tạo ra các hình mới theo ý thích, theo yêu cầu.	
41	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Tạo ra các hình học từ các nguyên vật liệu khác nhau	
42	Trẻ nhận biết và gọi tên 4 màu (CS16)	Nhận biết gọi tên 4 màu: xanh, đỏ, vàng, tím. - Pha các màu để tạo ra màu mới	
43	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. (CS22)	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác. (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái)	
44	Trẻ mô tả được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết, mô tả các buổi sáng, trưa, chiều, tối.	
b. Khám phá xã hội			
45	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Nhận biết, nói họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân	
46	Trẻ nói được họ tên, công việc của các thành viên trong gia đình.	- Nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình.	
47	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình.	- Địa chỉ gia đình: số nhà, đường phố/thôn, xóm	
48	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên địa chỉ của trường lớp	

49	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.	- Tên và công việc của các cô giáo, các cô các bác ở trường	
50	Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động ở trường.	
51	Trẻ kể được tên, công cụ sản xuất, sản phẩm và ích lợi của một số nghề khi được hỏi, TC.	- Tên gọi, công cụ, công việc, sản phẩm, ích lợi, của một số nghề phổ biến. - Tên gọi, công cụ, công việc, sản phẩm, ích lợi của một số nghề sản xuất.	
52	Trẻ kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Nhận biết, nói tên và kể được 1 số hoạt động trong ngày hội đến trường, trong ngày tết trung thu, ngày hội của cô giáo, ngày tết nguyên đán , ngày 8/3	
53	Trẻ kể tên và nêu được một số đặc điểm của cảnh đẹp địa phương. <i>Nhận biết cờ tổ quốc, biết tên đất nước Việt Nam</i>	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, thắng cảnh của <i>quê hương Minh Tân (Khu sinh thái Núi Ngăm, cánh đồng lúa, đình chùa, trường học, trạm xá...)</i> . - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của đất nước như: <i>Hà Nội, Lăng Bác...</i> <i>-Nhận biết cờ tổ quốc, nhận biết bản đồ đất nước Việt Nam</i>	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
54	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. (CS23)	Nghe, hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp	
55	Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm: đồ dùng trong gia đình, con vật nuôi, hoa, quả, rau.	
56	Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. <i>Trẻ có khả năng nghe và tóm tắt hoặc trình bày lại đoạn thông tin khoa học ngắn (STEAM)</i> <i>Trẻ có khả năng đưa ra nhận xét về ý kiến một vấn đề (STEAM)</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe 1 số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ.. - Nghe 1 số câu chuyện, và đặt câu hỏi theo nội dung truyện. (CS24) - Trả lời và đặt được các câu hỏi: Ai, cái gì, Ở đâu, Để làm gì?... <i>Sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo qua nhiều phương thức giao tiếp.</i>	
57	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	

58	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh, ảnh.	
59	Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.	
60	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự (CS25) .	Kể lại sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.	
61	Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, tục ngữ... phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ các bài thơ phù hợp theo độ tuổi.	
62	Trẻ kể chuyện có mở đầu kết thúc.	Kể lại chuyện theo yêu cầu của cô giáo Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	
63	Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Đóng kịch	
64	Trẻ sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	
65	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
66	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	
67	Trẻ mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	
68	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. (CS26)	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc cả sách. Giữ gìn bảo vệ sách.	
69	Trẻ nhận ra một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống. (CS27)	Nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)	
70	Trẻ có thể nhận dạng được một số nhóm chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	
71	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	

4.Lĩnh vực phát triển TC-KNXH			
a.Phát triển tình cảm xã hội			
72	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên bố, mẹ.	
73	Trẻ nói được điều mình thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.	
74	Trẻ biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Trẻ nói được lí do vì sao lại chọn món đồ chơi ấy, nói được chất liệu, công dụng	Chọn đồ chơi, trò chơi để chơi theo ý thích.	
75	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao.	Hoàn thành công việc được giao.	
76	Trẻ nhận ra cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh....	
77	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Bộc lộ một số cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình....	
78	Trẻ thể hiện sự quan tâm với người thân, bạn bè (CS32)	quan tâm với người thân, bạn bè	
79	Nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác.	
80	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác qua hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ...	- Thể hiện tình cảm đối với Bác qua các bài hát, đọc thơ, nghe kể các câu chuyện về Bác.	
81	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Mình Tân (Khu sinh thái Núi Ngăm, cánh đồng lúa, đình chùa, trường học, trạm y tế, hội làng...). - Quan tâm đến di tích lịch sử, lễ hội, cảnh đẹp của đất nước (Thủ đô Hà Nội, lăng Bác...) - Quan tâm đến cờ tổ quốc, Quốc ca, bản đồ Việt Nam	
b.Phát triển kỹ năng xã hội			
82	Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường lớp và gia đình. (CS35) Trẻ thực hiện một số nguyên tắc an toàn, quy định trong khi thực hành (tiến hành thí nghiệm, chế tạo sản phẩm) STEAM	- Một số quy định trường, lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn ngủ...)	

83	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. (CS29)	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	
84	Trẻ biết chú ý khi cô, bạn nói. (CS31)	- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	
85	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Chờ đến lượt, hợp tác	
86	Trẻ làm việc cá nhân và phối hợp với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung. (CS30)	Làm việc cá nhân và hợp tác cùng bạn bè	
87	Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật chăm sóc cây.	
88	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định	
89	Trẻ không ngắt hoa, bẻ cành.	Trẻ không ngắt hoa, bẻ cành.	
90	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt nước khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm nước: không làm tràn nước khi rửa tay . - Tiết kiệm điện: tắt quạt, tắt điện khi không cần thiết.	
4.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
91	Trẻ vui sướng, vỗ tay, và làm động tác mô phỏng khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. <i>Trẻ có khả năng cảm nhận cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm chế tạo (STEAM)</i>	Bộc lộ cảm xúc phù hợp: Vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy... khi nghe âm thanh, bài hát, bản nhạc. Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng..	
92	Trẻ lắng nghe và tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc tiếng Việt/ <i>tiếng nước ngoài</i> ; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, tiếng anh...)	
93	Trẻ thích thú, ngắm, nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gần gũi nói lên cảm xúc của mình.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật về hình dáng, màu sắc.	
94	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... (CS36)	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát Quê hương tươi đẹp.	
95	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức	- Vận động minh họa nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm	

	- Trẻ trải nghiệm nhiều phương tiện nghệ thuật và thể hiện bản thân thông qua phương tiện nghệ thuật đó.	theo phách, nhịp, tiết tấu chậm các bài hát bài hát phù hợp với độ tuổi	
96	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm. (CS38)	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, thiên nhiên như: sáp màu, màu nước, giấy màu, lá cây, quả khô... để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	
97	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn, tạo thành bức tranh có màu sắc, bố cục.	Sử dụng kỹ năng vẽ: nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn... để vẽ tạo thành các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	
98	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng một số kỹ năng xé (xé vụn, xé dải, xé tua, xé đường tròn), xếp dán để tạo sản phẩm có màu sắc, bố cục.	
99	Trẻ biết làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng kỹ năng nặn: Xoay tròn, ấn bẹt, xếp chồng, gắn để tạo thành sản phẩm	
100	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành một số sản phẩm	
101	Trẻ phối hợp một số kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản và sáng tạo ra sản phẩm (CS37) (STEAM)	Sử dụng kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, nét cong..., tô màu; xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...tạo thành sản phẩm đơn giản	
102	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục, đường nét hình dáng.	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	
103	Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện hình thức vận động theo nhạc.	
104	Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm bài hát	
105	Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. (CS39)	Nói lên ý tưởng tạo hình và tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
106	Trẻ có thể đặt tên cho SP tạo hình.	Đặt tên, nhận xét về sản phẩm tạo hình.	

5. Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi

5.1 Dự kiến các chủ đề /sự kiện

STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
		Ôn định nền nếp, ôn tập	1	Từ 28/8 - 5/9/2025
1	Trường mầm non SK: Ngày hội của bé (2 tuần)	Trường mầm non của bé	1	Từ 08/9- 12/09
		Lớp 5 tuổi thân yêu	1	Từ 15/9-20/09
2	Bản thân SK: Tết trung thu (4 tuần)	Tôi là ai	1	Từ 22/9-27/09
		Tết trung thu	1	Từ 29/09- 04/10
		Cơ thể của tôi	1	Từ 06/10- 10/10
		Tôi cần gì để lớn lên và KM.	1	Từ 13/10-17/10
3	Gia đình (4 tuần)	Những người thân trong gia đình	1	Từ 20/10-31/10
		Ngôi nhà của bé	1	Từ 03/11-07/11
		Nhu cầu của gia đình	1	Từ 10/11-14/11
4	Nghề nghiệp SK: Ngày 20/11 Ngày (22/12) (4 tuần)	Nghề nghiệp của cha mẹ bé	1	Từ 17/11-21/11
		Bé tập làm cô giáo	1	Từ 24/11-28/11
		Bé tập làm bác nông dân	1	Từ 01/12-05/12
		Bé tập làm chú bộ đội	1	Từ 08/12-12/12
5	Động vật (4 tuần)	Động vật nuôi trong gia đình	1	Từ 15/12- 19/12
		Động vật sống dưới nước	1	Từ 22/12 -26/12
		Động vật sống trong rừng	1	Từ 29/12 -/01/2026
		Côn trùng và chim	1	Từ 05/01 - 09/01
6	Thực vật (4 tuần)	Cây xanh và môi trường sống	1	Từ 12/01 -16/01
		Một số loài hoa	1	Từ 19/01 -23/01
		Một số loại quả	1	Từ 26/01 -30/01
		Một số loại rau	1	Từ 02/02 - 06/02
7	Tết và mùa xuân (2 tuần)	Tết nguyên đán	1	Từ 09/02 - 13/02
		Nghỉ tết		Từ 16/02 - 20/02
		Mùa xuân	1	Từ 23/02 - 27/02
8	Giao thông SK: Ngày phụ nữ Việt Nam (4 tuần)	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1	Từ 02/03- 06/03
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không	1	Từ 09/03- 13/03
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	1	Từ 16/03 - 20/03
		Một số biển báo giao thông quen thuộc thường gặp	1	Từ 23/03 - 27/03
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Sự diệu kì của nước	1	Từ 30/03- 03/04
		Một số hiện tượng tự nhiên	1	Từ 06/04- 10/04
		Các mùa trong năm	1	Từ 13/04- 17/04

10	Quê hương- đất nước- Bác Hồ, trường tiểu học SK: Ngày thống nhất đất nước 30/4 (4 tuần)	Quê hương Minh Tân thân yêu	1	Từ 20/04- 24/04
		Đất nước Việt Nam diệu kì	1	Từ 27/04- 01/05
		Bác Hồ kính yêu	1	Từ 04/05- 08/05
		Trường tiểu học	1	Từ 11/05- 15/05
		Ôn cuối năm học	2	Từ 18/5 – 28/5

5.2. Chế độ sinh hoạt, thời khóa biểu

THỜI GIAN		HOẠT ĐỘNG				
MÙA HÈ	MÙA ĐÔNG					
6h45 – 8h00	7h00 – 8h15	Đón trẻ, chơi, điểm danh, thể dục sáng				
8h00 – 8h35	8h15 – 8h50	Hoạt động HỌC				
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
		Thể dục	LQVT/Khám phá	Tạo hình	TCKNXH /Âm nhạc	Thơ/ truyện/LQCC
8h35 - 9h10	8h50 – 9h25	Chơi ngoài trời				
9h10 - 10h00	9h25 -10h15	Chơi, hoạt động ở các góc				
10h00 - 11h00	10h15-11h15	Vệ sinh, Ăn bữa chính				
11h00 - 13h30	11h15-13h45	Ngủ				
13h30 - 14h00	13h45- 14h10	Ăn phụ (cháo/bún)				
14h00- 15h00	14h10- 15h10	Chơi, hoạt động theo ý thích chiều				
15h00 -16h00	15h00 -16h00	Ăn phụ (uống sữa/ ăn quả), vệ sinh				
16h00 -17h00	16h00 -17h00	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ				

5.3. Mục tiêu, nội dung-hoạt động

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung- hoạt động giáo dục	Điều chỉnh
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Chiều cao, cân nặng			
1	Trẻ có chiều cao, cân nặng, phát triển bình thường theo độ tuổi. CS1	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi. - Cân đo 3 tháng/lần. Đối với trẻ SDD, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Khám sức khỏe định kỳ	
b.Giáo dục phát triển vận động			
2	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát.	Hô hấp: hít vào thở ra Tay 1. Đưa tay ra trước, sau 2.Đưa tay ra trước, sang ngang 3.Đánh xoay tròn 2 cánh tay 4.Đánh chéo 2 tay ra trước, sau 5.Luân phiên từng tay đưa lên cao Lưng, bụng, lườn: 1.Đứng cúi về trước 2.Đứng quay người sang bên (tay chống hông) 3.Nghiêng người sang bên 4.Cúi về trước, ngửa ra sau 5.Quay người sang bên (dang 2 tay) Chân 1.Khụy gối 2.Bật đưa chân sang ngang 3.Đưa chân ra các phía 4.Nâng cao chân gập gối Bật: 1.Bật lên phía trước 2.Bật lùi về sau 3.Bật sang bên phải 4.Bật sang bên trái	
3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi: - Đi lên, xuống ván kê dốc (dài 2m rộng 0, 3m) một đầu kê cao 0,3m; Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục; - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân* - Đi khụy gối* - Đi trên dây* - Đứng co một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây. - Đi nổi gót bàn chân tiến lùi* - Đi lên, xuống ván kê dốc.* - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	

4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Chạy nhanh, chậm, đổi hướng vận động theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) (CS2).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi theo đường dích dắc - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi theo đường dích dắc.	
5	Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách xa 4m; - Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m) (CS3); - Đi đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp, - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua sau lưng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua sau lưng. - Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách xa 4m - Đập bắt bóng tại chỗ, - Đi đập bắt bóng - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 2 m x cao 1,5m). - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay - Ném xa bằng một tay	
6	Thể hiện được nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây (CS4) - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian; - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; - Ném trúng đích nằm ngang	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - Chạy thay đổi theo đường dích dắc - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay; - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay . - Trẻ chạy nhanh 20m trong 5-6 giây	
7	Trẻ vận động nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện bài tập bò, trườn, trèo	- Bò chui qua ống dài - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m. - Bò dích dắc qua 7 điểm - Trèo lên xuống thang - Trườn sấp trèo qua ghế dài	
8	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bật, nhảy	- Bật xa 50cm - Bật liên tục vào vòng - Bật tách, khép chân qua các ô. - Bật qua vật cản cao 15- 20 cm. - Nhảy xuống từ độ cao 40cm - Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước.	
9	Trẻ biết thực hiện các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập mở lần lượt từng ngón tay.	Trẻ biết thực hiện các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập mở lần lượt từng ngón tay.	
10	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay.	

	mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình - Sao chép các chữ cái, chữ số (CS6) - Cắt được theo đường viền của hình vẽ (CS5) - Xếp chồng được 10-12 khối theo mẫu - Ghép và dán cách hình đã cắt theo mẫu - Tự cài và cởi được cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa. (CS7) <i>Trẻ phối hợp các kỹ năng trong các hoạt động cần sự linh hoạt, khéo léo của đôi tay (STEAM)</i>	- Bẻ, nắn - Lắp ráp - Xếp chồng 12-15 khối - Tô, đồ theo nét - Xé, cắt đường vòng cung - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Cài, cởi cúc; khâu luôn, buộc dây giày; cài quai dép, kéo khóa. - Cắt được theo đường viền thẳng và cong của các hình và ghép, dán hình vào đúng vị trí	
b. Dinh dưỡng và sức khỏe			
11	Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. - Thực phẩm giàu chất đạm. - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng	Nhận biết phân nhóm một số thực giàu chất đạm(thịt cá tôm trứng. vì ta mìn, và muối khoáng, rau, quả...) <i>- Tìm hiểu 1 số món ăn nhiều chất dinh dưỡng tốt cho sức khỏe trong ngày tết nguyên đán như bánh chưng, giò, thịt gà...</i>	
12	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản <i>ở trường, gia đình</i>	Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Tìm hiểu các món ăn có nhiều chất dinh dưỡng cổ truyền dân tộc như: Bánh chưng, bánh dày, giò lụa, giò xào, xôi gấc, gà luộc...) <i>- Trẻ nhận biết, kể tên một số thực phẩm, món ăn trẻ được ăn tại trường mầm non Minh Tân, gia đình.</i>	
13	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn , ăn chín uống sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga , ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. CS8	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Ăn đủ các loại thực phẩm, giữ gìn vệ sinh đảm bảo sức khỏe phòng tránh các loại bệnh tật như thủy đậu, covid 19...	
14	Thực hiện một số công việc đơn giản - Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng (CS10)	- Tập luyện kỹ năng tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định ; giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập luyện kỹ năng, đánh răng, lau mặt,	

		rửa tay bằng xà phòng.	
15	Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn, uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng ăn, uống đúng cách	
16	Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống CS9	- Mời cô, mời bạn trước khi ăn, không nói chuyện nhai nhồm nhoàm, không nô đùa không làm vãi thức ăn trong khi ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không ăn các thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường...	
17	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở Trẻ chấp nhận rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang...để phòng dịch bệnh khi cần thiết	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở Trẻ chấp nhận rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang...để phòng dịch bệnh khi cần thiết	
18	Trẻ nhận ra và không chơi một số vật dụng có thể gây nguy hiểm: - Biết phòng tránh những vật/hành động gây nguy hiểm, không an toàn (leo trèo cây, ban công, tường rào, bàn là đang dùng, bếp đang nấu, vật sắc nhọn; bể chứa nước, ao, hồ, nương, cống, người lạ...) (CS12)	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm: bàn là bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, vật sắc nhọn ...	
19	Trẻ biết và nói được nơi nguy hiểm và mối nguy hiểm khi đến gần	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, nơi không an toàn (không chơi gần những nơi nguy hiểm: Ao, hồ, sông, bếp than, khu vực đang xây dựng, bụi rậm, giếng, bể chứa nước...)	
20	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh...	- Nhận biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc - Biết không tự ý uống thuốc, ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc uống rượu bia cà phê, biết hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
21	Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ (bị đau, chảy máu, sốt, bị lạc...)(CS11) - Trẻ biết số điện thoại khẩn cấp (113,114,115) - Biết và thực hiện quy tắc 5 ngón tay để phòng tránh nguy	- Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã, chảy máu, bị lạc. - Trẻ biết địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	

	<i>cơ xâm hại tình dục hoặc khi bị lạc</i>	- Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn - <i>Số điện thoại khẩn cấp (113,114,115)</i> - <i>Thực hiện quy tắc 5 ngón tay để phòng tránh nguy cơ xâm hại tình dục hoặc khi bị lạc</i>	
22	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	Một số quy định về an toàn khi ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường bên phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy; - Không leo trèo ban công, cây, tường...	
2.Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
23	- Trẻ tò mò, tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như: đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: Tại sao có mưa. CS13 <i>- Trẻ có khả năng đặt câu hỏi, yêu thích khám phá, tìm hiểu các sự vật, hiện tượng xung quanh (STEAM)</i>	- Hiểu các nguyên nhân, hiện tượng tự nhiên : Nắng mưa, sấm chớp...) Đặt câu hỏi tại sao, vì sao? Có mưa, sấm chớp...	
24	- Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả, PTGT, một số hiện tượng tự nhiên, đồ dùng học sinh lớp 1... CS19 <i>- Trẻ có những hiểu biết cơ bản về con người, sự vật hiện tượng xung quanh (STEAM)</i>	- Tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi, đồ dùng trong gia đình, con vật, cây, hoa, lá, quả, PTGT, một số hiện tượng tự nhiên, đồ dùng học sinh lớp 1. + So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + Mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng xung quanh. - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	
25	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. <i>- Trẻ có kỹ năng thực hiện các thí nghiệm, kỹ năng chế tạo sản phẩm kỹ thuật đơn giản</i>	- Làm một số thí nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ: tính chất của nước, nước bốc hơi, pha nước chanh, pha đường...vật chìm, nổi.	

	(STEAM)		
26	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau- <i>Trẻ có khả năng quan sát, chú ý, so sánh, phân loại, phán đoán, tổng hợp, nhận xét, đánh giá, ghi nhớ có chủ ý (STEAM)</i>	- Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với trẻ về đối tượng....	
27	- Trẻ phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau: Phân loại được nhóm đồ dùng đồ chơi của lớp; nhóm động vật; nhóm cây, hoa, quả; nhóm PTGT... <i>CS14- Loại được 1 đối tượng không cùng nhóm</i>	- Phân loại đồ dùng đồ chơi của lớp theo: Tên gọi, đặc điểm, công dụng, cách sử dụng của nhóm đồ dùng đồ chơi. - Phân loại động vật dưới nước theo: Tên gọi, đặc điểm, ích lợi, vận động, môi trường sống... - Phân loại hoa, quả: Tên gọi, đặc điểm, ích lợi... - Phân loại phương tiện giao thông theo: Tên gọi, nơi hoạt động, tốc độ.	
28	Nhận xét mối liên hệ đơn giản giữa sự vật và hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	- Mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng xung quanh	
29	Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Giúp trẻ giải thích MQH đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống.	
30	-Trẻ nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của những đối tượng được quan sát <i>- Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, lời nói, hình ảnh) STEAM</i>	- So sánh sự khác và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật thuộc nhóm con vật nuôi trong gia đình, con vật sống trong rừng, côn trùng và chim, một số con vật sống dưới nước. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số cây, hoa, quả - So sánh sự khác nhau và giống nhau của phương tiện giao thông. - Nhận xét sự khác nhau giữa ngày và đêm.	
31	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua các hoạt động: chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Trẻ chơi và nhập vai chơi đóng vai theo chủ đề. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc hát, vận động minh họa bài hát trong chủ đề. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động tạo hình: Vẽ xé, dán nặn, cắt.	
b. Làm quen với 1 số khái niệm sơ đẳng về toán			
32	Trẻ quan tâm đến các con số, thích nói về số lượng và đếm <i>Trẻ có một số hiểu biết cơ bản về</i>	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi bao nhiêu, đây là mấy...	

	<i>một số khái niệm toán sơ đẳng (STEAM)</i> <i>Trẻ có thể giải một số bài toán đồ đơn giản, phù hợp với độ tuổi</i>	- Giải toán đồ	
33	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, nhận biết số trong phạm vi 10 CS15	- Đếm đến 10. Nhận biết các nhóm có số lượng là 10. Nhận biết chữ số 10.	
34	Trẻ biết so sánh số lượng 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau nói được kết quả	
35	Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.	- Gộp 2, 3 nhóm cùng đối tượng để có số lượng trong phạm vi 5- 10 và đếm - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5- 10 thành 2 nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau	
36	Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự .	Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 10	
37	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại, lịch...), giờ trên đồng.	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, số điện thoại, lịch...), giờ trên đồng.	
38	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. CS18	- Nhận ra quy tắc sắp xếp mẫu và sao chép lại.	
39	Trẻ sáng tạo ra được mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Sáng tạo ra được mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	
40	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.(Kích thước của 3 đối tượng)	- So sánh kích thước của các đối tượng và nói được các từ: to nhất, nhỏ hơn, nhỏ nhất/cao nhất, thấp hơn, thấp nhất/dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất/ rộng nhất, hẹp hơn, hẹp nhất.	
41	Trẻ sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau và diễn đạt kết quả đo. - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	
42	Trẻ gọi tên và chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối: khối cầu- khối trụ,	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật, - Chắp ghép các hình, hình học để tạo	

	khối vuông- khối chữ nhật	thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau	
43	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ được vị trí của đồ vật so với một vật làm chuẩn CS16	Xác định vị trí trên dưới, trước sau, phải trái của đồ vật so với vật làm chuẩn.	
44	Trẻ biết sử dụng, phân biệt các từ chỉ thời gian hôm nay, ngày mai hôm qua, sáng, trưa, chiều, tối, các thứ trong tuần, các mùa trong năm. CS17	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các buổi trong ngày. - Gọi tên các thứ trong tuần, ngày trên đốc lịch. - Một năm có 4 mùa (xuân, hạ, thu, đông)	
c.Khám phá xã hội			
45	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. + Trẻ trai: mạnh mẽ, dứt khoát, trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ. + Lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân.	
46	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình	- Họ, tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) - Nhu cầu của gia đình.	
47	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình, số điện thoại gia đình	- Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).	
48	Trẻ gọi tên, nói được đặc điểm nổi bật về trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	Nhận biết tên, địa chỉ, mô tả đặc điểm nổi bật của trường mầm non và của trường tiểu học;	
49	Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi và trò chuyện	- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường	
50	Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	
51	Trẻ nhận biết một số nghề phổ	- Tên gọi, công cụ, công việc, sản phẩm,	

	biển nơi trẻ sống, nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương như nghề dạy học, y, bán hàng, xây dựng... - Tên gọi, công cụ, công việc, sản phẩm, ích lợi của nghề sản xuất ở địa phương: Nghề nông, nghề may, nghề mộc... - Sự giống và khác nhau của một số nghề về công việc, trang phục, đồ dùng, nơi làm việc, ích lợi của một số nghề.	
52	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	- Nêu tên, đặc điểm, và một số hoạt động của ngày tết trung thu, ngày 20-11, ngày 8/3, những ngày tết nguyên đán.	
53	Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của QH, ĐN, một số địa danh nơi Bác Hồ sống và làm việc. Nhận biết cờ tổ quốc, biết tên đất nước Việt Nam .Trẻ nhận ra bản đồ nước Việt Nam	- Một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 vài nét văn hóa truyền thống của quê hương Minh Tân: Khu sinh thái Núi Ngăm, cánh đồng lúa, đình chùa, trường học, lễ hội làng... - Một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 vài nét văn hóa truyền thống của đất nước Việt Nam: Chùa một cột, văn miếu... Thủ đô Hà Nội, lăng Bác, Chùa một cột, văn miếu, ... - Bản đồ đất nước Việt Nam	

3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a. Nghe hiểu lời nói

54	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	Nghe, hiểu và làm theo được -3 yêu cầu liên tiếp	
55	Trẻ hiểu các từ khái quát, trái nghĩa.	- Hiểu các từ khái quát: đồ dùng gia đình, động vật nuôi trong gia đình, sống dưới nước, trong rừng, côn trùng và chim, nhóm hoa, quả, cây, rau, PTGT - Hiểu các từ trái nghĩa: đúng- sai, tốt-xấu, phải-trái...	
56	Trẻ lắng nghe ý kiến, nhận xét của người đối thoại Trẻ có khả năng nghe và tóm tắt hoặc trình bày lại đoạn thông tin khoa học ngắn (STEAM) Trẻ có khả năng đưa ra nhận xét về ý kiến một vấn đề(STEAM)	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, tục ngữ: - Nghe hiểu nội dung câu chuyện và miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động tính cách, trạng tháicủa nhân vật trong truyện	

b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

57	Trẻ kể/nói rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	
----	--	--	--

	<i>Bước đầu biết diễn đạt rõ ràng các câu hỏi/câu trả lời liên quan đến khoa học, kỹ thuật bằng ngôn ngữ đơn giản, hoặc bằng các cách khác nhau.(STEAM)</i>		
58	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	
59	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau Sử dụng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định câu mệnh lệnh .	
60	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Kể lại sự việc nội dung chính trong chuyện đã nghe. - Miêu tả được 1 số hành động, tính cách, trạng thái hoặc đặc điểm của nhân vật bằng lời nói, cử chỉ , nét vẽ... - Thể hiện nhân vật qua trò chơi đóng vai	
61	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè.	Đọc 1 số bài thơ,ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, tục ngữ	
62	Trẻ kể chuyện theo cách riêng: kể thay đổi được một vài tình tiết, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung truyện... CS21	Kể lại truyện được nghe “ Món quà của cô giáo, cây khế, ai đáng khen nhiều hơn...” theo trình tự	
63	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	Đóng kịch: Ba cô gái, ai đáng khen nhiều hơn.	
64	Trẻ sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi, dạ thưa phù hợp với tình huống	Sử dụng các từ biểu cảm ,hình tượng. Sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa dạ, vâng phù hợp với tình huống	
65	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	
b. Làm quen với việc đọc- viết			
66	Trẻ biết chọn sách để đọc, xem và giữ gìn, bảo vệ sách	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn và bảo vệ sách	
67	Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân CS20	- Kể chuyện theo đồ vật. - Kể chuyện theo tranh. - Kể chuyện xảy ra với bản thân, người xung quanh.	
68	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới đầu sách đến cuối sách (CS22)	- Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	

		- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	
69	Trẻ làm quen một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào cấm lửa, biển báo giao thông CS23	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống. (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ....)	
70	Nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt CS23 <i>Trẻ sử dụng cả phối hợp các giác quan để nhận dạng chữ cái (STEAM)</i>	Nhận dạng và phát âm 29 chữ cái	
71	Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, <i>viết chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.</i> - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. CS6	
4.Lĩnh vực phát triển TC-KNXH			
1. Phát triển tình cảm			
72	Trẻ nói họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên trường, lớp đang học, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Họ tên, tuổi giới tính của bản thân. - Tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Trẻ ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân + Trẻ trai: mạnh mẽ, dứt khoát, trẻ gái nhẹ nhàng, ý tứ. + Lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân.	
73	- Trẻ nói được điều mình thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và không làm được - <i>Trẻ ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.</i>	- Sở thích và khả năng của bản thân. - <i>Trẻ có thể đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân</i>	
74	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn(đáng về bên ngoài , giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác khác bạn về đáng về bên ngoài, sở thích và khả năng... - <i>Nhận ra sự khác biệt của mình và người khác.</i> - <i>Chơi hòa đồng, không xa lánh bạn.</i>	
75	Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị / em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.	
76	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ , cô giáo những việc vừa sức	- Vâng lời giúp bố mẹ cô giáo những công việc vừa sức như quét nhà, cất đồ dùng...	
77	Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). (Trực	Tự làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). (Trực nhật, vệ sinh, chơi...	

	nhật, vệ sinh, chơi...		
78	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Sẵn sàng, chủ động làm, hoàn thành một số công việc đơn giản hàng ngày: Trục nhật, vệ sinh rửa tay, cất đồ dùng khi chơi xong... - Tự tin khi được nhận công việc được giao	
79	Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc...	
80	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	
81	Trẻ biết quan tâm, an ủi và chia vui với người thân, bạn bè. CS25	- Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân - An ủi người thân, bạn bè - Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ người thân, bạn bè khi có niềm vui...	
82	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác.	- Xem tranh ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác qua tranh ảnh.	
83	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
84	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.	- Một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 vài nét văn hóa truyền thống của quê hương Minh Tân: Khu sinh thái Núi Ngăm, cảnh đồng lúa, đình chùa, trường học, lễ hội làng... - Một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và 1 vài nét văn hóa truyền thống của đất nước Việt Nam: Thủ đô Hà Nội, lăng Bác, Chùa một cột	
2. Phát triển kĩ năng xã hội			
85	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng CS27 Trẻ thực hiện một số nguyên tắc an toàn, quy định trong khi thực hành (tiền hành thí nghiệm, chế tạo sản phẩm) STEAM	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng, khi tham gia giao thông: - Cất đồ chơi gọn gàng khi chơi xong. - Trật tự khi ăn, ngủ không nói chuyện,... - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định. - Vâng lời ông, bà, bố, mẹ, muốn đi chơi	

		phải xin phép.... - Biết giữ gìn sức khoẻ, không nhận, không sử dụng thứ lạ, đồ uống, viên kẹo, chai lọ không rõ nguồn gốc. + Trẻ biết nói “không” khi bị rủ rê, dụ dỗ dùng đồ lạ, có hại + Biết tìm sự giúp đỡ từ người “cô giáo, chú công an, chú bộ đội” khi gặp tình huống nguy hiểm - Không làm ồn nơi công cộng. - Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định. - Không trèo leo cây, ban công, hàng rào... - Khi tham gia giao thông đi bên phải lề đường. - Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy.	
86	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. CS24	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép lịch sự: Chào hỏi, Cảm ơn, xin lỗi... - Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi;	
87	Trẻ chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác CS24	- Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời khi cô và bạn nói.	
88	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS24)	- Trẻ biết chờ đến lượt, tôn trọng bạn không chen lấn xô đẩy, biết giữ trật tự trong các hoạt động: xếp hàng rửa tay, nhận đồ dùng, chơi trò chơi, phát quà... - Trẻ biết quan sát – lắng nghe cô hướng dẫn, đợi đến lượt mình mới thực hiện. - Trẻ biết vui vẻ, kiên nhẫn khi chờ bạn.	
89	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. CS26 + <i>Trẻ có kỹ năng thảo luận, nêu ý kiến, thương lượng, lên kế hoạch, phân công công việc (STEAM).</i>	- Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân trong nhóm - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ - <i>Không sợ sệt, e dè khi trả lời câu hỏi của người khác, mạnh dạn nói lên suy nghĩ của mình</i>	
90	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	- Tìm cách giải quyết mâu thuẫn: dùng lời để nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn	
91	Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối quen thuộc	Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc - Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.	
92	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. - <i>Phân loại rác và bỏ rác đúng nơi quy định</i>	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định	
93	Trẻ biết nhắc nhở người khác	Nhận xét một số hành vi đúng sai của con	

	giữ gìn, bảo vệ môi trường.	người với môi trường: tỏ thái độ với hành vi đúng -sai, tốt-xấu.	
94	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt. Trẻ yêu thích hào hứng tham gia hoạt động Steam, có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường (STEAM)	- Tiết kiệm điện, nước: Tắt điện nước khi không sử dụng...	
4. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
95	Trẻ tán thưởng và tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. Trẻ có khả năng cảm nhận cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong một số hiện tượng thí nghiệm, sản phẩm chế tạo (STEAM)	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, về màu sắc, hình dáng.tác phẩm nghệ thuật ;	
96	Trẻ chú ý nghe và hưởng ứng cảm xúc theo nhạc tiếng Việt/ tiếng nước ngoài ; Thích nghe hát, nghe nhạc và đọc thơ, đồng dao ca dao tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển..) - Nghe và nhận ra sắc thái vui buồn, tình cảm thiết tha của các bài hát, bản nhạc.	
97	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ ngữ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...)của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân của các tác phẩm tạo hình.	
98	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca của các bài hát mầm non. Hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ (CS28)	Hát đúng giai điệu lời ca vận động được nhịp nhàng bài hát phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc.	
99	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu,múa) CS28 - Trẻ trải nghiệm nhiều phương tiện nghệ thuật và thể hiện bản thân thông qua phương tiện nghệ thuật đó.	Vận động được nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái, tình cảm phù hợp với các bài hát. Trải nghiệm với phương tiện nghệ thuật và thể hiện bản thân thông qua phương tiện nghệ thuật đó.	
100	Trẻ biết lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra	Lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	

	các sản phẩm. CS30		
101	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Phối hợp các kỹ năng vẽ (Vẽ các nét cong, thẳng, xiên, nằm ngang...) để tạo thành sản phẩm....có màu sắc hài hòa bố cục cân đối.	
102	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt: Cắt nhất, cắt thẳng, cắt lượn vòng cung và dán để tạo thành sản phẩm...có màu sắc hài hòa bố cục cân đối. - Phối hợp các kỹ năng xé: xé theo dải, xé bấm, xé lượn vòng cung) và dán để tạo thành sản phẩm có màu sắc hài hòa bố cục cân đối.	
103	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	-Phối hợp được kỹ năng nặn: Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt bề cong, gắn lại, để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	
104	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	-Phối hợp được kỹ năng xếp hình để xếp tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa bố cục cân đối	
105	Trẻ sử dụng và phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản và sáng tạo trong các hoạt động tạo ra sản phẩm (STEAM) CS29	- Phối hợp sử dụng được các kỹ năng vẽ, nặn, xếp hình, in để tạo ra sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	
106	Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình CS31	- Nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	
107	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, một đoạn)	
108	Trẻ gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. Sử dụng những nguyên vật liệu khác nhau để tạo thành những dụng cụ âm nhạc: Cốc nước, thìa, bát, vỏ hộp sữa....	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ để gõ đệm theo ý thích các loại tiết tấu	
109	Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. CS32	Nói lên ý tưởng tạo hình và tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
110	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình CS32	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình.	

PHỤ LỤC 2**LỊCH SINH HOẠT CHUYÊN MÔN**

(Kèm theo Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Trường mầm non Minh Tân
năm học 2025-2026)

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Kết quả	Ghi chú
1	- Triển khai xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học - HD Hồ sơ sổ sách - Triển khai nhiệm vụ chuyên môn đầu năm học. - Kiểm tra trang trí đầu năm * Tập huấn, BDCM: Xây dựng môi trường GDLTLTT + Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện chuyên đề XDTMNLTTLT + Hướng dẫn xây dựng môi trường GD phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ trong các hoạt động. * Tập huấn, BDCM: + Tập huấn công tác quản lý bán trú, quy trình tổ chức bữa ăn, lưu mẫu thực phẩm, kiểm soát nguyên liệu đầu vào. + Hướng dẫn đảm bảo vệ sinh ATTP trong toàn bộ quy trình chế biến, phục vụ và chăm sóc trẻ + Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tài chính và đấu thầu trong tổ chức nuôi ăn bán trú tại CSGDMN. * Tập huấn, BDCM: tổ chức về xây dựng môi trường an toàn, PCTNTT + BD về kỹ năng xây dựng trường học an toàn, phòng chống TNTT (TT 45 về ATPCTNTT trong nhà trường). + Tập huấn về phát hiện, xử lý sớm các tình huống, nguy cơ và kỹ năng phòng chống bạo hành trẻ trong CSGDMN. * Tập huấn, BDCM: + Hướng dẫn triển khai thực hiện GD STEAM trong cấp học MN. + Hướng dẫn UDCNTT và chuyển đổi số trong GDMN; nâng cao năng lực xây dựng học liệu số, quản lý và tổ chức dạy học an toàn trên môi trường số cho đội ngũ CBQL,GVMN.	Tập trung	8/2025	BGH, tổ chuyên môn		

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2	- Triển khai công tác chuẩn bị Ngày hội của bé, Tết trung thu, Tuyên truyền về ATGT. - Tổ chức cân đo, KSK cho trẻ. - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tập huấn, BDCM: Công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ: + Hướng dẫn tổ chức hoạt động ăn ngủ, sinh hoạt, khoa học phù hợp với từng độ tuổi trong CSGDMN. + Bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng và phát triển CTGDMN, HD xây dựng các loại kế hoạch + Triển khai CT Tôi Yêu Việt Nam, thực hiện tháng ATGT. + Phát hiện sớm, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ KT trong CSGDMN. * Thực hành : - Tổ chức các hoạt động chăm sóc, vệ sinh (<i>lồng GD dinh dưỡng và SK</i>) + Tổ chức HĐ vệ sinh, ăn trưa (MG) + Tổ chức HĐ “Rửa mặt, rửa tay (NT). + Tổ chức tuyên truyền về ATGT cho trẻ, phụ huynh (<i>CT Tôi Yêu Việt Nam: chủ đề Tháng 9: Cổng trường ATGT</i>) (MG)	Tập trung	9/2025	BGH, tổ chuyên môn		
3	- Đánh giá kết quả tháng 9 - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tập huấn, BDCM: + Bồi dưỡng về kiến thức và năng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ theo lồng ghép dinh dưỡng với tăng cường vận động. + Nâng cao năng lực xây dựng và Phát triển CTGDMN + Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. * Thực hành: - Tổ chức các hoạt động GDLTLTT: + PTNN: Truyện có sử dụng rối nước (MG). +KNXH: PCTNTT (<i>lồng PCTNTT, KN</i>	Tập trung	10/2025	BGH, tổ chuyên môn		

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Kết quả	Ghi chú
	<i>tự bảo vệ bản thân</i> (MG) - <i>Nâng cao chất lượng giáo dục PTVĐ</i> (Thẻ đục sáng và HĐH) (NT+MG)					
4	- Đánh giá kết quả tháng 10 - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tập huấn, BDCM: + Hướng dẫn tổ chức HĐGD cảm xúc XH cho trẻ trong thực hiện CTGDMN + Tăng cường truyền thông, phối hợp với cha mẹ và cộng đồng trong CSND trẻ + Bồi dưỡng GD Quyền con người gắn với chăm sóc, bảo vệ trẻ trong môi trường giáo dục. + Hướng dẫn công tác tuyên truyền, tư vấn và hỗ trợ phụ huynh trong CSNDGD trẻ tại gia đình và cộng đồng; Phối hợp cùng cha mẹ chuẩn bị tâm thế và rèn luyện các kỹ năng cần thiết giúp trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1. * Thực hành: - Tổ chức các hoạt động GD LTLTT: + CB sẵn sàng cho trẻ vào lớp 1: chữ cái, toán (MG) + CXXH: <i>lòng Quyền TE</i> (MG) + TCKNXH: <i>lòng kỹ năng về giao tiếp, ứng xử</i> (NT)	Tập trung	11/2025	BGH, tổ chuyên môn		
5	- Đánh giá kết quả tháng 11 - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tập huấn, BDCM: - Tổ chức các HĐGD phát triển toàn diện cho trẻ MN: + HD tổ chức các HĐGD giúp PT nghệ thuật, sáng tạo (âm nhạc, tạo hình...) cho trẻ MN + HD tổ chức HĐNT, HĐG, TCVĐ nhằm PT thể chất, tinh thần cho trẻ. + Tổ chức thực hành trải nghiệm, KPKH phù hợp với độ tuổi MN * Thực hành: + Tổ chức các HĐGD giúp PT nghệ thuật, sáng tạo (âm nhạc, tạo hình...) cho trẻ (NT+MG)	Tập trung	12/2025	BGH, tổ chuyên môn		

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Kết quả	Ghi chú
	+ Tổ chức HĐNT, HĐG, TCVD nhằm PT thể chất, tinh thần (NT+MG) + Tổ chức thực hành trải nghiệm, KPXH: Tìm hiểu, khám phá, Bé tập làm nông dân, Bác sỹ, chú bộ đội (<i>Lồng giáo dục học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh</i>) (NT,MG).					
6	- Đánh giá kết quả tháng 12 - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch. * Tiếp tục học BDTX theo KH. * Thực hành: - Nâng cao chất lượng GDLTLTT: + Tổ chức HĐ GD PTNT (NT,MG) + Tổ chức thực hành trải nghiệm: Lễ hội mùa xuân cho trẻ (NT,MG)	Tập trung	01/2026	BGH, tổ chuyên môn		
7	- Đánh giá kết quả tháng 1. - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tiếp tục học BDTX theo KH * Thực hành: - Nâng cao chất lượng GDLTLTT: + Tổ chức HĐ GDKNXH: <i>Lồng phòng chống xâm hại bạo hành, quyền trẻ em</i> (MG) + Tổ chức HĐ PTNT(Steam) (MG) + Tổ chức HĐ PTNN: Truyện (NT)	Tập trung	02/2026	BGH, tổ chuyên môn		
8	- Đánh giá kết quả tháng 2 - Tổ chức kỉ niệm ngày 8.3 - Kiểm tra, dự giờ theo kế hoạch * Tiếp tục học BDTX theo KH * Thực hành: - Nâng cao chất lượng GDLTLTT: + Tổ chức các HĐ GD PTNT (Nhà trẻ) + Tổ chức HĐ KNXH: về ATGT (NT) + Tổ chức các hoạt động giáo dục KNXH: Chương trình Tôi yêu Việt Nam: Tổ chức Hội thi “bé với ATGT” (MG)	Tập trung	3/2026	BGH, tổ chuyên môn		
9	- Đánh giá kết quả tháng 3. * Kiểm tra, chấm các nội dung BDTX. * Thực hành:	Tập trung	4/2026	BGH, tổ chuyên môn		

STT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Kết quả	Ghi chú
	+ Tổ chức các HĐGD nâng cao chất lượng PTVĐ + Tổ chức HĐGD phát triển CT : PTNN: Truyện (có sử dụng rối nước)					
10	- Đánh giá kết quả tháng 4 * Thực hành: - Nâng cao chất lượng GDLTLT: (<i>Lồng CXXH, Tám gương đạo đức HCM</i>) + Tổ chức cho trẻ trải nghiệm thăm quan cảnh đẹp quê hương, trường tiểu học + Tổ chức cho trẻ 5T Viếng thăm nghĩa trang liệt sĩ. Thăm quan cảnh đẹp, địa danh của địa phương (Khu Du lịch sinh thái Núi Ngăm. Thăm quan trường tiểu học. + Tổ chức cho trẻ 3,4 tuổi thăm quan: Trạm y tế, Cánh đồng, đường làng, đình, chùa quê hương) - Khảo sát chất lượng các lớp - Đánh giá chất lượng chuyên môn cuối năm, - Tổ chức tổng kết năm học	Tập trung	5/2026	BGH, tổ chuyên môn		